

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2023

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục:

**HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG
POSTS AND TELECOMMUNICATIONS INSTITUTE OF TECHNOLOGY**

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

TRỤ SỞ CHÍNH

122 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội

HỌC VIỆN CƠ SỞ TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

11 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đa Kao, Q1 TP Hồ Chí Minh

CƠ SỞ ĐÀO TẠO PHÍA BẮC

Km 10 Đường Nguyễn Trãi, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội

CƠ SỞ ĐÀO TẠO PHÍA NAM

97 Man Thiện, Phường Hiệp Phú, Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Cổng thông tin điện tử: <https://portal.ptit.edu.vn/>

Địa chỉ thư điện tử: vanphong@ptit.edu.vn

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có):

Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông là cơ sở giáo dục đại học công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, được thành lập theo Quyết định số 516/QĐ-TTg ngày 11/7/1997 của Thủ tướng Chính phủ và là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

4.1. Sứ mạng

Sáng tạo và chuyển giao tri thức cho xã hội thông qua việc gắn kết các hoạt động đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

trong lĩnh vực thông tin, truyền thông và công nghệ số, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam hùng cường.

4.2. Tầm nhìn

Đến năm 2030, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông là trường đại học hàng đầu Việt Nam về quy mô, chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học; là hình mẫu tiên phong về chuyển đổi số trong giáo dục đại học, trở thành trường đại học hàng đầu của khu vực, nằm trong nhóm trường đại học hàng đầu châu Á, nhóm 5 trường đại học hàng đầu Đông Nam Á về công nghệ số.

4.3. Giá trị cốt lõi

Tiên phong – Sáng tạo; Chất lượng - Hiệu quả; Uy tín - Trách nhiệm; Tận tụy - Nghĩa tình.

4.4. Triết lý giáo dục: “Tri thức - Sáng tạo - Đạo đức - Trách nhiệm”

Đây là phương châm xuyên suốt định hướng cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu của Học viện hướng tới mục tiêu đào tạo ra những con người “vừa có tài vừa có đức” để đóng góp cho sự phát triển chung của ngành, của đất nước, của nhân loại. Trong đó:

Tri thức: Tri thức là tài sản lớn nhất của một trường đại học trong vai trò là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Mỗi cá nhân muốn thành tài tất yếu phải trải qua quá trình tích lũy tri thức. Sáng tạo và chuyển giao tri thức là sứ mệnh của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông. Vì vậy, yêu cầu đầu tiên trong quá trình giáo dục tại Học viện là giúp người học tích lũy đủ về tri thức.

Sáng tạo: Sáng tạo là khả năng tạo ra cái mới và có ích cho thực tiễn từ những tri thức mà con người tích lũy được. Sáng tạo là cách sử dụng tri thức, vận dụng tri thức để hiểu được, quản lý được và dự báo được những thay đổi đang diễn ra trong xã hội. Điều này đặc biệt quan trọng khi xã hội đang thay đổi ngày một nhanh chóng như hiện nay.

Đạo đức: Đạo đức là những chuẩn mực tốt đẹp trong tính cách của con người, mang đậm giá trị truyền thống tốt đẹp của con người nói chung và người Việt Nam nói riêng. Hoạt động đào tạo của Học viện hướng tới tạo ra những con người mang đậm giá trị văn hóa của dân tộc, của ngành trong hoạt động giáo dục của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.

Trách nhiệm: Trách nhiệm là lý trí quan trọng để mỗi cá nhân trở nên có ích cho xã hội. Giáo dục phải giúp con người biết có trách nhiệm với bản thân, với gia đình, với cộng đồng, với đất nước...

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

07/09/1953	Thành lập trường Đại học Bưu điện - Vô tuyến điện
17/09/1966	Thành lập Viện Khoa học Kỹ thuật Bưu điện RIPT
08/04/1975	Thành lập Viện Kinh tế Bưu điện ERIPT

- 28/05/1988 Thành lập Trung tâm Đào tạo Bưu chính Viễn thông II (PTTC2)
- 11/07/1997 Thành lập Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông theo quyết định số 516/TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 11 tháng 7 năm 1997 trên cơ sở sắp xếp lại 4 đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam, nay là Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam bao gồm:
- Trung tâm Đào tạo Bưu chính Viễn thông 1
Trung tâm Đào tạo Bưu chính Viễn thông 2
Viện Khoa học kỹ thuật Bưu điện
Viện Kinh tế Bưu điện.
- 17/09/1997 Công bố Quyết định thành lập Học viện Công nghệ BCVT
- 22/3/1999 Thành lập Trung tâm Công nghệ thông tin CDIT (nay là Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông CDIT) trực thuộc Học viện
- 1/7/2014 Thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Quyết định số 878/QĐ-BTTTT điều chuyển quyền quản lý Học viện từ Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam về Bộ Thông tin và Truyền thông. Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ. Học viện thực hiện chức năng đào tạo đại học, sau đại học, nghiên cứu khoa học, đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn, tư vấn và chuyển giao công nghệ. Là trường đại học, đơn vị nghiên cứu, phát triển nguồn nhân lực trọng điểm của Ngành thông tin và truyền thông.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm:

Họ và tên: PGS.TS. Đặng Hoài Bắc

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ nơi làm việc: 122 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội

Số điện thoại: (024) 37.540.408

Địa chỉ thư điện tử: bacdh@ptit.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

- Quyết định số 516/TTg ngày 11/7/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

- Quyết định số 1508/QĐ-BTTTT ngày 03/9/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công nhận Hội đồng học viện Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông nhiệm kỳ 2020-2025.
- Quyết định số 1509/QĐ-BTTTT ngày 03/9/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng học viện Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông nhiệm kỳ 2020-2025.
- Danh sách thành viên Hội đồng học viện:

TT	Họ tên	Vị trí công tác
1	GS.TS. Từ Minh Phương	Chủ tịch Hội đồng học viện
2	PGS.TS. Đặng Hoài Bắc	Thành viên, Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Học viện
3	PGS.TS. Trần Quang Anh	Thành viên, Phó Giám đốc Học viện, Chủ tịch Công đoàn
4	TS. Tân Hạnh	Phó Giám đốc Học viện
5	TS. Vũ Tuấn Lâm	Thành viên
6	ThS. Nguyễn Chí Thành	Thư ký Hội đồng, Trưởng phòng Giáo vụ
7	PGS.TS. Nguyễn Tiến Ban	Thành viên, Trưởng khoa Viễn thông 1
8	TS. Nguyễn Duy Phương	Thành viên, Trưởng khoa Công nghệ thông tin 1
9	ThS. Đặng Thu Hà	Thành viên, Trưởng phòng TCCB-LĐ
10	TS. Nguyễn Trung Kiên	Thành viên, Viện trưởng Viện CNTT&TT
11	TS. Nguyễn Lương Nhật	Thành viên, Trưởng khoa Kỹ thuật điện tử 2
12	Bà Ngô Kiều Anh	Thành viên, Đại diện Đoàn TNCSHCM
13	Ông Triệu Minh Long	Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ TT&TT
14	TS. Nguyễn Thiện Nghĩa	Thành viên, Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Chứng thực điện tử Quốc gia, Bộ TT&TT
15	TS. Nguyễn Thị Kim Phụng	Thành viên, Nguyên Vụ trưởng Vụ Giáo dục đại học, Bộ GD&ĐT
16	Ông Nguyễn Trung Chính	Thành viên, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn CMC
17	Ông Huỳnh Quang Liêm	Thành viên, Tổng giám đốc VNPT
18	Ông Tào Đức Thắng	Thành viên, Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc Viettel

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

- Quyết định Giám đốc Học viện đối với PGS.TS Đặng Hoài Bắc: Quyết định số 828/QĐ-BTTTT ngày 04/5/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công nhận Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.
- Quyết định Phó giám đốc Học viện đối với PGS.TS Trần Quang Anh: Quyết định số 1277/QĐ-BTTTT ngày 29/7/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc bổ

nhiệm lại cán bộ.

- Quyết định Phó giám đốc Học viện đối với TS. Tân Hạnh: Quyết định số 1279/QĐ-BTTTT ngày 29/7/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc bổ nhiệm lại cán bộ.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

- Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện: Nghị quyết số 22/NQ-HĐHV ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng Học viện về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.
- Các đơn vị thuộc Học viện:
 - + Tổ chức cán bộ - Lao động: Quyết định số: 800/QĐ-HV ngày 05/11/2015 của Học viện về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của phòng Tổ chức cán bộ - Lao động.
 - + Văn phòng Học viện: Quyết định số: 833/QĐ-HV ngày 18/11/2015 của Học viện về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng.
 - + Phòng Đào tạo: Quyết định số: 834/QĐ-HV ngày 18/11/2015 của Học viện về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của phòng Đào tạo.
 - + Phòng Kế hoạch - Đầu tư: Quyết định số: 835/QĐ-HV ngày 18/11/2015 của Học viện về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của phòng Kế hoạch - Đầu tư.
 - + Phòng Tài chính – Kế toán: Quyết định số: 836/QĐ-HV ngày 18/11/2015 của Học viện về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của phòng Tài chính – Kế toán.
 - + Phòng Giáo vụ: Quyết định số 901/QĐ-TCCB ngày 05/11/2013 của Học viện về việc bổ sung chức năng, nhiệm vụ và đổi tên phòng Quản lý Kế hoạch đào tạo thành phòng Giáo vụ.
 - + Quyết định số: 621/QĐ-HV ngày 08/8/2018 của Học viện về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của phòng Giáo vụ.
 - + Phòng Chính trị và Công tác Sinh viên: Quyết định số 894/QĐ-TCCB ngày 05/11/2013 của Học viện về việc thành lập phòng Chính trị và Công tác Sinh viên.
 - + Quyết định số 622/QĐ-HV ngày 08/8/2018 của Học viện về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của phòng Chính trị và Công tác sinh viên.
 - + Phòng Quản lý Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế: Quyết định số 897/QĐ-HV ngày 05/11/2013 của Học viện về việc thành lập phòng Quản lý Khoa học

Công nghệ và Hợp tác quốc tế.

- + Quyết định số 971/QĐ-HV ngày 01/11/2018 của Học viện về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của phòng Quản lý Khoa học Công nghệ và Hợp tác quốc tế.
- + Trung tâm Đào tạo quốc tế: Quyết định số 521/QĐ-HV ngày 12/6/2017 của Học viện về việc thành lập Trung tâm Đào tạo Quốc tế.
- + Trung tâm Dịch vụ: Quyết định số 129/QĐ-HV ngày 01/3/2018 của Học viện về việc thành lập Trung tâm Dịch vụ.
- + Quyết định số 219/QĐ-HV ngày 28/3/2018 của Học viện về việc ban hành Quy chế tạm thời tổ chức và hoạt động của Trung tâm Dịch vụ.
- + Trung tâm Thí nghiệm thực hành: Quyết định số 693/QĐ-HV ngày 01/8/2016 của Học viện về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Thí nghiệm thực hành.
- + Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục: Quyết định số: 1035/QĐ-HV ngày 05/12/2008 của Học viện về việc thành lập Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo Chất lượng giáo dục.
- + Quyết định số: 970/QĐ-HV ngày 01/11/2018 của Học viện về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo Chất lượng giáo dục.
- + Khoa đào tạo Sau đại học: Quyết định số: 672/QĐ-HV ngày 01/8/2017 của Học viện về việc đổi tên Khoa Quốc tế và Đào tạo sau đại học và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Khoa Đào tạo sau đại học.
- + Khoa Đa phương tiện: Quyết định số 265/QĐ-HV ngày 15/3/2016 của Học viện về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của khoa Đa phương tiện.
- + Khoa Viễn thông I: Quyết định số 213/QĐ-TCCB/HV ngày 25/3/1999 của Học viện về việc thành lập khoa Viễn thông 1.
- + Quyết định số: 39/QĐ-HV ngày 11/01/2016 của Học viện về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của khoa Viễn thông 1.
- + Khoa Cơ bản I: Quyết định số 211/QĐ-TCCB/HV ngày 25/3/1999 của Học viện về việc thành lập khoa Cơ bản I.
- + Quyết định số: 36/QĐ-HV ngày 11/01/2016 của Học viện về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của khoa Cơ bản 1.
- + Khoa Kỹ thuật Điện tử I: Quyết định số 212/QĐ-TCCB/HV ngày 25/3/1999 của Học viện về việc thành lập khoa Kỹ thuật điện tử I.
- + Quyết định số: 37/QĐ-HV ngày 11/01/2016 của Học viện về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của khoa Kỹ thuật điện tử 1.

- + Khoa Công nghệ Thông tin I: Quyết định số 215/QĐ-TCCB/HV ngày 25/3/1999 của Học viện về việc thành lập khoa Công nghệ Thông tin I.
- + Quyết định số: 38/QĐ-HV ngày 11/01/2016 của Học viện về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của khoa Công nghệ thông tin 1.
- + Khoa Quản trị Kinh doanh I: Quyết định số 214/QĐ-TCCB/HV ngày 25/3/1999 của Học viện về việc thành lập khoa Quản trị Kinh doanh I.
- + Quyết định số: 40/QĐ-HV ngày 11/01/2016 của Học viện về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của khoa Quản trị kinh doanh 1.
- + Khoa Tài chính Kế toán I: Quyết định số 661/QĐ-TCCB ngày 16/9/2010 của Học viện về việc thành lập khoa Tài chính Kế toán I.
- + Quyết định số: 41/QĐ-HV ngày 11/01/2016 của Học viện về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của khoa Tài chính kế toán 1.
- + Khoa An toàn Thông tin: Quyết định số 45/NQ-HĐHV ngày 29/12/2021 của Hội đồng Học viện về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Khoa An toàn thông tin.
- Các đơn vị trực thuộc Học viện:
 - + Viện Khoa học Kỹ thuật Bưu điện:
 - ✓ Quyết định của Hội đồng Chính phủ số 180-CP ngày 17/9/1966 của Hội đồng Chính phủ Thành lập Viện nghiên cứu khoa học, kỹ thuật Bưu điện và truyền thanh.
 - ✓ Quyết định số 296/QĐ-TCCB ngày 09/4/1993 của Tổng cục Bưu điện về việc đổi tên Viện Khoa học và Kỹ thuật Bưu điện thành Viện Khoa học Kỹ thuật Bưu điện.
 - ✓ Quyết định số 674/QĐ-HV ngày 25/7/2016 của Học viện về việc ban hành tạm thời Quy chế tổ chức và hoạt động của Viện Khoa học Kỹ thuật Bưu điện.
 - + Viện Kinh tế Bưu điện:
 - ✓ Quyết định số 812/QĐ ngày 28/5/1975 của Tổng cục Bưu điện về việc Thành lập Viện kinh tế và quy hoạch Bưu điện.
 - ✓ Quyết định số 2308/QĐ ngày 20/12/1979 của Tổng Cục trưởng Tổng cục bưu điện thành lập Viện Kinh tế Bưu điện trực thuộc Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam.
 - ✓ Quyết định 635/QĐ-TCCBL-LĐ ngày 22/3/1999 của Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam về việc tổ chức lại Viện Kinh tế Bưu điện đặt trực thuộc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.
 - ✓ Quyết định số 673/QĐ-HV ngày 25/7/2016 của Học viện về việc ban hành tạm

thời Quy chế tổ chức và hoạt động của Viện Kinh tế Bưu điện.

+ Viện Công nghệ Thông tin và truyền thông CDIT:

- ✓ Quyết định số 636/QĐ-TCCB-LĐ ngày 22/3/1999 của Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam về việc Thành lập Trung tâm công nghệ thông tin trực thuộc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông
- ✓ Quyết định số 1973/QĐ-VNPT-TCCB ngày 07/12/2011 của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam về việc đổi tên Trung tâm công nghệ thông tin thành Viện Công nghệ Thông tin và truyền thông CDIT.
- ✓ Quyết định số 672/QĐ-HV ngày 25/7/2016 của Học viện về việc ban hành tạm thời Quy chế tổ chức và hoạt động của Viện Công nghệ Thông tin và truyền thông CDIT.

+ Trung tâm Đào tạo BCVTI:

- ✓ Quyết định số 297/QĐ-TCCB-LĐ ngày 05/4/1989 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Bưu điện thành lập Trung tâm Đào tạo Bưu chính Viễn thông I trực thuộc Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam
- ✓ Quyết định số 632/QĐ-TCCB-LĐ ngày 22/3/1999 của Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam về việc Tổ chức lại Trung tâm Đào tạo Bưu chính Viễn thông I trực thuộc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.
- ✓ Quyết định số 670/QĐ-HV ngày 25/7/2016 của Học viện về việc ban hành tạm thời Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Đào tạo Bưu chính Viễn thông I.

+ Trung tâm Đào tạo BCVTII:

- ✓ Quyết định số 1051/QĐ-TCCB-LĐ ngày 25/8/1988 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Bưu điện về việc thành lập Trung tâm Đào tạo Bưu chính Viễn thông II trực thuộc Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam.
- ✓ Quyết định 633/QĐ-TCCB-LĐ ngày 22/3/1999 của Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam về việc Tổ chức lại Trung tâm đào tạo Bưu chính Viễn thông II đặt trực thuộc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.
- ✓ Quyết định số 671/QĐ-HV ngày 25/7/2016 của Học viện về việc ban hành tạm thời Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Đào tạo Bưu chính Viễn thông II.

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

TT	Họ và tên	Chức vụ/Chức danh	Điện thoại	Email	Chuyên ngành đào tạo
1	Từ Minh Phương	Chủ tịch Hội đồng học viện	0913507508	phuongtm@ptit.edu.vn	Km10, Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
2	Đặng Hoài Bắc	Giám đốc Học viện	0903284728	bacdh@ptit.edu.vn	Km10, Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
3	Trần Quang Anh	Phó Giám đốc Học viện	0983996236	tqanh@ptit.edu.vn	Km10, Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
4	Tân Hạnh	Phó Giám đốc Học viện	0907106251	tanhanh@ptit.edu.vn	11 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đa Kao, Q1, TP HCM
5	Trần Vũ Hải	Chánh Văn phòng Học viện	0903259040	haitv@ptit.edu.vn	Km10, Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
6	Lê Thị Cẩm Thuận	Phó chánh Văn phòng Học viện	0917507337	thuanltc@ptit.edu.vn	Km10, Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
7	Nguyễn Mạnh Hùng	Phó chánh Văn phòng Học viện	0903416217	hungnm@ptit.edu.vn	Km10, Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
8	Đặng Thu Hà	Trưởng phòng TCCB - Lao động	0904118828	hadt@ptit.edu.vn	Km10, Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
9	Phạm Lê Huy	Phó Trưởng phòng TCCB - Lao động	0902996696	huypl@ptit.edu.vn	Km10, Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
10	Đỗ Hải Yến	Trưởng phòng Chính trị và CTSV	0948688080	yendh@ptit.edu.vn	Km10, Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
11	Nguyễn Thị Nhiều	Phó Trưởng phòng Chính trị và CTSV	0826068488	nhieunt@ptit.edu.vn	Km10, Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
12	Đặng Văn Tùng	Quyền Trưởng phòng Đào tạo	0912337788	tungdv@ptit.edu.vn	Km10, Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
13	Nguyễn Thị Hồng Huệ	Phó Trưởng phòng Đào tạo	0912262694	huenth@ptit.edu.vn	Km10, Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
14	Ngô Đức Thiện	Trưởng phòng Quản lý KHCN và HTQT	0912928928	thiennd@ptit.edu.vn	Km10, Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
15	Đỗ Trung Anh	Phó Trưởng phòng Quản lý KHCN và HTQT	0913869328	anhdt@ptit.edu.vn	Km10, Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
16	Đặng Bích Ngọc	Phó Trưởng phòng Phụ trách phòng Tài chính - Kế toán	0912756769	ngocdb@ptit.edu.vn	Km10, Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
17	Nguyễn Hải Hà	Phó trưởng phòng Tài chính - Kế toán	0914512259	hanh@ptit.edu.vn	Km10, Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
18	Nguyễn Minh Chi	Phó trưởng phòng Tài chính - Kế toán	0912466080	chinm@ptit.edu.vn	Km10, Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội

TT	Họ và tên	Chức vụ/Chức danh	Điện thoại	Email	Chuyên ngành đào tạo
19	Đinh Hồng Hải	Phó Trưởng phòng - Phụ trách phòng Kế hoạch - Đầu tư	0906233468	haidh@ptit.edu.vn	Km10, Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
20	Trần Hoàng Sơn	Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Đầu tư	0913003678	sonth@ptit.edu.vn	Km10, Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
21	Nguyễn Chí Thành	Trưởng phòng Giáo vụ	0912453327	thanhnc@ptit.edu.vn	Km10, Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
22	Ngô Xuân Thành	Phó Trưởng phòng Giáo vụ	0913053636	thanhnx@ptit.edu.vn	Km10, Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
23	Trần Thị Mỹ Hạnh	Trưởng trung tâm Khảo thí và ĐBCLGD	0936456368	hanhtm@ptit.edu.vn	Km10, Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
24	Phạm Phú Tài	Phó trưởng trung tâm Khảo thí và ĐBCLGD	0913053114	taipp@ptit.edu.vn	Km10, Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
25	Nguyễn Quý Sỹ	Trưởng Trung tâm Thí nghiệm - Thực hành	0913394091	synq@ptit.edu.vn	Km10, Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
26	Nguyễn Đức Việt	Phó Trưởng Trung tâm Thí nghiệm - Thực hành	0904362626	vietnd@ptit.edu.vn	Km10, Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
27	Phạm Vũ Minh Tú	Phó Giám đốc, Phụ trách Trung tâm Đào tạo Quốc tế	0904592738	tupvm@ptit.edu.vn	Km10, Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
28	Cao Xuân Hiền	Giám đốc Trung tâm Dịch vụ	0902348899	hiencx@ptit.edu.vn	Km10, Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
29	Lê Nhật Thăng	Trưởng khoa Đào tạo Sau đại học	0932158468	thangln@ptit.edu.vn	Km10, Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
30	Phạm Ngọc Anh	Trưởng khoa Cơ bản 1	0912316141	anhpn@ptit.edu.vn	Km10, Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
31	Nguyễn Trung Hiếu	Phó Trưởng khoa Phụ trách khoa Kỹ thuật điện tử 1	0916566268	hieunt@ptit.edu.vn	Km10, Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
32	Nguyễn Duy Phương	Trưởng khoa Công nghệ thông tin 1	0913575442	phuongnd@ptit.edu.vn	Km10, Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
33	Phạm Văn Cường	Phó Trưởng khoa Công nghệ thông tin 1	0944643166	cuongpv@ptit.edu.vn	Km10, Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
34	Hoàng Xuân Dậu	Trưởng khoa An toàn thông tin	0904534390	dauhx@ptit.edu.vn	Km10, Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
35	Nguyễn Tiến Ban	Trưởng khoa Viễn thông 1	0904110109	bannt@ptit.edu.vn	Km10, Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội

TT	Họ và tên	Chức vụ/Chức danh	Điện thoại	Email	Chuyên ngành đào tạo
36	Đặng Thế Ngọc	Phó Trưởng khoa Viễn thông 1	0918686517	ngocdt@ptit.edu.vn	Km10, Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
37	Nguyễn Chiến Trinh	Phó Trưởng khoa Viễn thông 1	0915400946	trinhnc@ptit.edu.vn	Km10, Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
38	Đặng Thị Việt Đức	Trưởng khoa Tài chính kế toán 1	0914932612	ducdiv@ptit.edu.vn	Km10, Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
39	Nguyễn Văn Hậu	Phó Trưởng khoa Tài chính kế toán 1	0933132286	haunv@ptit.edu.vn	Km10, Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
40	Vũ Trọng Phong	Trưởng khoa Quản trị kinh doanh 1	0912099811	phongvt@ptit.edu.vn	Km10, Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
41	Trần Thị Thập	Phó Trưởng khoa Quản trị kinh doanh 1	0912212929	thaptt@ptit.edu.vn	Km10, Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
42	Lê Thị Hằng	Phó Trưởng khoa, Phụ trách khoa Đa phương tiện	0904826618	hanglt@ptit.edu.vn	Km10, Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
43	Nguyễn Xuân Hải	Trưởng khoa Cơ bản 2.	0913157226	nxhai@ptithcm.edu.vn	11 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đa Kao, Q1, TP HCM
44	Nguyễn Hồng Quân	Phó trưởng khoa Cơ bản 2	0988942043	hongquan@ptithcm.edu.vn	11 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đa Kao, Q1, TP HCM
45	Nguyễn Hồng Sơn	Trưởng khoa Công nghệ thông tin 2	0913717565	ngson@ptithcm.edu.vn	11 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đa Kao, Q1, TP HCM
46	Huỳnh Trọng Thừa	Phó Trưởng khoa Công nghệ thông tin 2	0909899791	htthua@ptithcm.edu.vn	11 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đa Kao, Q1, TP HCM
47	Nguyễn Lương Nhật	Trưởng khoa Kỹ thuật điện tử 2	093725530	nhatnl@ptithcm.edu.vn	11 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đa Kao, Q1, TP HCM
48	Nguyễn Thanh Bình	Phó Trưởng khoa Kỹ thuật điện tử 2	0918850555	thanhbinh68@gmail.com	11 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đa Kao, Q1, TP HCM
49	Trần Đình Thuận	Phó Trưởng khoa Viễn thông 2	0913803864	tdthuan@ptithcm.edu.vn	11 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đa Kao, Q1, TP HCM
50	Ngô Quốc Dũng	Phó viện Trưởng Phụ trách viện Khoa học kỹ thuật bưu điện	0985061316	dungnq@ptit.edu.vn	Số 122 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội
51	Trần Thiện Chính	Phó viện Trưởng viện Khoa học kỹ thuật bưu điện	0913000255	chinhhtt@ptit.edu.vn	Số 122 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội
52	Trần Đình Nam	Phó viện Trưởng Phụ trách Viện Kinh tế Bưu điện	0904964368	namtd@ptit.edu.vn	Km10, Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội

TT	Họ và tên	Chức vụ/Chức danh	Điện thoại	Email	Chuyên ngành đào tạo
53	Nguyễn Thị Hoàng Yên	Phó viện Trưởng Viện Kinh tế Bưu điện	0912483379	yennth@ptit.edu.vn	Km10, Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
54	Nguyễn Trung Kiên	Viện Trưởng viện Viện Công nghệ thông tin và Truyền thông	0903245000	kiennt@ptit.edu.vn	Km10, Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
55	Nguyễn Kim Quang	Phó viện Trưởng viện Viện Công nghệ thông tin và Truyền thông	0913230313	quangnk@ptit.edu.vn	Km10, Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
56	Cao Minh Thắng	Phó viện Trưởng viện Viện Công nghệ thông tin và Truyền thông	0936133144	thangcm@ptit.edu.vn	Km10, Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
57	Đoàn Hiếu	Giám đốc Trung tâm Đào tạo bưu chính viễn thông 1	0934683131	doanhieu@ptit.edu.vn	Km10, Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
58	Nguyễn Xuân Trường	Phó giám đốc Trung tâm Đào tạo bưu chính viễn thông 1	0913319659	truongnx@ptit.edu.vn	Km10, Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội
59	Đinh Duy Linh	Giám đốc Trung tâm Đào tạo bưu chính viễn thông 2	0919333999	linhdd@ptit.edu.vn	11 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đa Kao, Q1, TP HCM
60	Lương Hoàng Phước	Phó Giám đốc Trung tâm Đào tạo bưu chính viễn thông 2	0913992888	lhphuoc@ptit.edu.vn	11 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đa Kao, Q1, TP HCM

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

- Nghị quyết số 42/NQ-HĐHV ngày 25/11/2021 của Hội đồng Học viện về việc ban hành Chiến lược phát triển Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030.
- Nghị quyết số 10/NQ-HĐHV ngày 27/10/2020 của Hội đồng Học viện ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng học viện Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.
- Nghị quyết số 04/NQ-HĐHV ngày 13/10/2020 của Hội đồng Học viện về việc Thông qua kế hoạch hoạt động và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng học viện Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông nhiệm kỳ 2020-2025.

- Nghị quyết số 30/NQ-HĐHV ngày 04/8/2021 của Hội đồng Học viện về việc ban hành Quy chế Thực hiện dân chủ trong hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.
- Nghị quyết số 54/NQ-HĐHV ngày 18/01/2022 của Hội đồng Học viện về việc ban hành Quy chế tuyển dụng viên chức và người lao động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.
- Nghị quyết số 58/NQ-HĐHV ngày 22/02/2022 của Hội đồng Học viện về việc ban hành Quy chế tài chính của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.
- Quyết định số 647/QĐ-HV ngày 27/7/2017 của Học viện ban hành Quy chế Đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, viên chức, người lao động thuộc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.
- Quyết định số 513/QĐ-HV ngày 18/6/2021 của Học viện ban hành Quy định chính sách hỗ trợ kinh phí viên chức, người lao động trong Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông được cử đi đào tạo Tiến sĩ trong nước giai đoạn 2021-2025.

II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian⁴

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo ⁵ (2023)	Năm trước liền kề năm báo cáo ⁶ (2022)
1	Tỉ lệ người học quy đổi trên giảng viên	19,54	20,02
2	Tỉ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	71,27	77,07%
3	Tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	43,27%	41,53%

2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo⁷

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
1	Giảng viên toàn thời gian	550	37	275	238	48	7
	Cơ sở đào tạo phía Bắc	417	33	175	209	46	6
	Cơ sở đào tạo phía Nam	133	4	100	29	2	1
1.1	Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý	147	11	81	55	12	2
	Cơ sở đào tạo phía Bắc	113	8	57	48	11	2
	Cơ sở đào tạo phía Nam	34	3	24	7	1	0
1.2	Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin	194	14	85	95	20	1
	Cơ sở đào tạo phía Bắc	155	13	59	83	20	1
	Cơ sở đào tạo phía Nam	39	1	26	12	0	0
1.3	Lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật	65	2	31	32	5	2
	Cơ sở đào tạo phía Bắc	43	2	12	29	5	2

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
	Cơ sở đào tạo phía Nam	22	0	19	3	0	0
1.4	Lĩnh vực Kỹ thuật	72	5	33	34	6	1
	Cơ sở đào tạo phía Bắc	48	5	13	30	5	0
	Cơ sở đào tạo phía Nam	24	0	20	4	1	1
1.5	Lĩnh vực Báo chí và thông tin	72	5	45	22	5	1
	Cơ sở đào tạo phía Bắc	58	5	34	19	5	1
	Cơ sở đào tạo phía Nam	14	0	11	3	0	0
2	Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	392	16	221	155	25	2
	Cơ sở đào tạo phía Bắc	297	15	148	134	23	1
	Cơ sở đào tạo phía Nam	95	1	73	21	2	1
2.1	Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý	113	5	74	34	5	0
	Cơ sở đào tạo phía Bắc	86	4	52	30	4	0
	Cơ sở đào tạo phía Nam	27	1	22	4	1	0
2.2	Lĩnh vực Máy tính và CNTT	139	5	64	70	14	1
	Cơ sở đào tạo phía Bắc	115	5	49	61	14	1
	Cơ sở đào tạo phía Nam	24	0	15	9	0	0
2.3	Lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật	43	0	23	20	2	0
	Cơ sở đào tạo phía Bắc	27	0	10	17	2	0
	Cơ sở đào tạo phía Nam	16	0	13	3	0	0
2.4	Lĩnh vực Kỹ thuật	47	3	26	18	4	1
	Cơ sở đào tạo phía Bắc	31	3	12	16	3	0
	Cơ sở đào tạo phía Nam	16	0	14	2	1	1
2.5	Lĩnh vực Báo chí và thông tin	50	3	34	13	0	0
	Cơ sở đào tạo phía Bắc	38	3	25	10	0	0
	Cơ sở đào tạo phía Nam	12	0	9	3	0	0

3. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ⁸

TT	Chỉ số	Năm báo cáo (2023)	Năm trước liền kề năm báo cáo (2022)
1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	17	17
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	270	273
3	Tỉ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	52,18%	59,92%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất⁹

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo (2023)	Năm trước liền kề năm báo cáo (2022)
1	Diện tích đất/người học (m ²)	9,38	9,70
2	Diện tích sàn/người học (m ²)	4,23	3,89
3	Tỉ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt - Cơ sở đào tạo phía Bắc - Cơ sở đào tạo phía Nam	75% 83,6%	75% 84%
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	10.444/25	10.142/25
5	Số bản sách/người học	50.613/17.912	49.512/15.626
6	Tỉ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	100%	100%
7	Tốc độ Internet/1.000 người học - Cơ sở đào tạo phía Bắc - Cơ sở đào tạo phía Nam	245Mbps 2.060Mbps	245Mbps 380 Mbps

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo¹⁰

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trụ sở chính	122 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội	2140	
1.1	Nhà làm việc 02 tầng			1.536
1.2	Nhà làm việc 07 tầng			3.241
1.3	Hệ thống sân đường			910
2	Cơ sở đào tạo phía Bắc			
2.1	Cơ sở Hà Đông	Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	55.133	
2.1.1	Nhà A1			4.955
2.1.2	Nhà A2			15.340
2.1.3	Nhà A3			6.600
2.1.4	Nhà B1			3.396
2.1.5	Nhà B2			4.035
2.1.6	Nhà B5			3.660
2.1.7	Nhà B9			378
2.1.8	Nhà hội trường A1			307

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
2.1.9	Sân Thể thao B5			2.500
2.1.10	Sân bê tông B17			660
2.1.11	Sân bóng chuyền sau A2			855
2.1.12	Vườn hoa sau A1			320
2.1.13	Nhà B15			388
2.1.14	Trung tâm khởi nghiệp B16			307
2.1.15	Nhà ăn Học viện			853
2.1.16	Văn phòng giao dịch 1 cửa			140
2.1.17	Nhà trực cổng chính			28
2.2	Ngọc Trục - Nam Từ Liêm	Thôn Ngọc Trục, Xã Đại Mỗ, Huyện Từ Liêm, TP Hà Nội	6.191	
2.2.1	Nhà Hiệu bộ - lớp học			10.335
2.2.2	Ký túc xá			6.176
2.3	Trung tâm Công nghệ cao Hòa Lạc	Khu Công nghệ cao Hòa Lạc	13.000	
2.3.1	Nhà đào tạo			5.650
2.3.2	Nhà làm việc + phòng học			5.750
3	Cơ sở đào tạo phía Nam			
3.1	Cơ sở 11 Nguyễn Đình Chiểu	Số 11 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh	4.451	
3.1.1	Nhà lớp học Q1-A			3.992
3.1.2	Nhà làm việc Q1-B			824
3.1.3	Nhà làm việc Q1-C			1.084
3.1.4	Nhà kho Q1 + Nhà máy phát điện			435
3.1.5	Nhà làm việc Q1-YT			60
3.1.6	Phòng học khu A (TT2)			222
3.2	Nhà KTX Q1-5C (TT2)	Số 5C Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh	663,6	2.349
3.3	Cơ sở TP Thủ Đức 1	97 Man thiện, phường Hiệp Phú, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	39.510	
3.3.1	Nhà số 3-Nhà E			4.764
3.3.2	Nhà số 1-Hội trường và Câu lạc bộ			2.800

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
3.3.3	Phòng học Q9-A			2.940
3.3.4	Phòng học Q9-D			3.648
3.3.5	Nhà làm việc Q9-A			893
3.3.6	Nhà làm việc Q9-B			1.998
3.3.7	Nhà KTX Q9-C			6.626
3.3.8	Nhà hội trường Q9 (D)			330
3.3.9	Nhà KTX Q9-B			588
3.3.10	Nhà KTX Q9-C			1.320
3.3.11	Nhà KTX tạm Q9			1.805
3.4	Cơ sở TP Thủ Đức 2	97 Man thiện, Phường tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	19.203	
3.5	Nhà làm việc	270/10 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, TP Hồ Chí Minh	276	
3.6	Nhà làm việc	Khu đất tại số 9 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh	126	
Tổng cộng			140.694	114.998

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm ¹¹	Kinh phí (triệu đồng)
1	Xây mới		0
2	Nâng cấp tòa nhà		
2.1	Sửa chữa sảnh chính nhà A2		1.850.000.000
2.2	Sửa chữa phòng học tiên tiến tầng 1, 2 nhà A2		1.700.000.000
2.3	Sửa chữa phòng học chất lượng cao tại 11 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh (9 phòng học CLC)		1.500.000.000
2.4	Sửa chữa hội trường cơ sở đào tạo tại 97 Man Thiện, phường Hiệp Phú, thành phố Hồ Chí Minh		1.800.000.000
2.5	Sửa chữa phòng học tầng 3, 4 nhà học chính A2 và Ký túc xá B5 tại cơ sở đào tạo Hà Đông - năm 2023		13.500.000.000
2.6	Sửa chữa đá ốp khối đế nhà A2 tại cơ sở đào tạo Hà Đông - năm 2023		1.600.000.000

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm ¹¹	Kinh phí (triệu đồng)
2.7	Sửa chữa đơn nguyên 1, 2 Kí túc xá B1, Cơ sở Đào tạo Hà Đông		9.100.000.000
2.8	Di chuyển Trạm cắt & Tuyến cáp ngầm trung thế và bổ sung Đường dây hạ thế từ điểm đầu nối đến Trạm biến áp của Học viện tại Cơ sở đào tạo Hà Đông		1.200.000.000
3	Đầu tư mới phòng thí nghiệm		
4	Nâng cấp phòng thí nghiệm		
Tổng cộng			

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam (CEA-AVU&C)

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành

- Mức độ đạt kiểm định:

+) Đảm bảo chất lượng về chiến lược: 3,91

+) Đảm bảo chất lượng về hệ thống: 3,93

+) Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng: 3,96

+) Kết quả hoạt động: 3,92

(Không có tiêu chí nào có điểm trung bình dưới 2,0)

- Thời gian hiệu lực: từ ngày 19 tháng 01 năm 2023 đến ngày 19 tháng 01 năm 2028

2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
1	7480201	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam (CEA-AVU&C)	Từ 06/08/2023 đến 06/08/2028
2	7520207	Kỹ thuật điện tử viễn thông	Kỹ thuật điện tử viễn thông	nt	Từ 06/08/2023 đến 06/08/2028
3	7510301	Công nghệ kỹ thuật Điện, điện tử	Công nghệ kỹ thuật Điện, điện tử	nt	Từ 28/09/2023 đến 28/09/2028
4	7340301	Kế toán	Kế toán	nt	Từ 28/09/2023 đến 28/09/2028

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
5	7340101	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	nt	Từ 28/09/2023 đến 28/09/2028
6	7340115	Marketing	Marketing	nt	Từ 28/09/2023 đến 28/09/2028
7	7329001	Công nghệ đa phương tiện	Công nghệ đa phương tiện	nt	Từ 27/05/2024 đến 27/05/2029
8	7320104	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam (CEA-AVU&C)	Từ 27/05/2024 đến 27/05/2029
9	7480202	An toàn thông tin	An toàn thông tin	nt	Từ 27/05/2024 đến 27/05/2029
10	7340122	Thương mại điện tử	Thương mại điện tử	nt	Từ 27/05/2024 đến 27/05/2029

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo¹²

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo (2023)	Năm trước liền kề năm báo cáo (2022)
1	Tỉ lệ nhập học trung bình 3 năm	77.19%	77.56%
2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	19%	13%
3	Tỉ lệ thôi học	0.10%	0.14%
4	Tỉ lệ thôi học năm đầu	0.05%	0.07%
5	Tỉ lệ tốt nghiệp	88,99%	81.63%
6	Tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn	68,1%	56.47
7	Tỉ lệ người học hài lòng với giảng viên	88,47%	88,35%
8	Tỉ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	82.75	74.70
9	Tỉ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	79.44	80.45

2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp năm 2023

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm ¹³
A	SAU ĐẠI HỌC	429	193	98	
1	Tiến sĩ	62	24	9	
1.1	Lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý				
1.1.1	Ngành Quản trị kinh doanh	20	11	0	-

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm ¹³
1.2	Lĩnh vực Máy tính và Công nghệ thông tin				
1.2.1	Ngành Kỹ thuật máy tính	6	2	2	-
1.2.2	Ngành Hệ thống thông tin	20	5	2	-
1.3	Kỹ thuật				
1.3.1	Ngành Kỹ thuật điện tử	5	3	3	-
1.3.2	Ngành Kỹ thuật viễn thông	11	3	2	-
2	Thạc sĩ	367	169	89	
2.1	Lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý				
2.1.1	Ngành Quản trị kinh doanh	91	37	19	-
2.2	Lĩnh vực Máy tính và Công nghệ thông tin				
2.2.1	Ngành Khoa học máy tính	71	36	16	-
2.2.2	Ngành Hệ thống thông tin	142	64	34	-
2.3	Kỹ thuật				
2.3.1	Ngành Kỹ thuật điện tử	24	10	0	-
2.3.2	Ngành Kỹ thuật viễn thông	39	22	20	-
B	ĐẠI HỌC				
1	Chính quy	14930	4387	3153	
1.1	Các ngành/chương trình đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học	5580	1755	1082	
1.1.1	Lĩnh vực Máy tính và Công nghệ thông tin	5580	1755	1082	
1.1.1.1	Ngành Công nghệ thông tin	3892	1031	821	92.96
1.1.1.2	Ngành An toàn thông tin	1168	336	261	93.94
1.1.1.3	Ngành Khoa học máy tính	259	127	-	-
1.1.1.4	Ngành Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	82	82	-	-
1.1.1.5	Công nghệ thông tin (định hướng ứng dụng)	179	179	-	-
1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)	9350	2632	2071	
1.2.1	Lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý	4001	1138	914	
1.2.1.1	Ngành Quản trị kinh doanh	938	270	263	91.10
1.2.1.2	Ngành Thương mại điện tử	480	132	64	87.32
1.2.1.3	Ngành Marketing	1246	357	287	93.81
1.2.1.4	Ngành Kế toán	995	256	300	92.78
1.2.1.5	Ngành Công nghệ tài chính (Fintech)	342	123	-	-
1.2.2	Công nghệ kỹ thuật	1133	287	297	
1.2.2.1	Ngành CN kỹ thuật Điện, điện tử	1133	287	297	91.79
1.2.3	Lĩnh vực Kỹ thuật	2352	667	459	
1.2.3.1	Ngành Kỹ thuật Điện tử viễn thông	2027	451	459	90.17
1.2.3.2	Ngành Công nghệ Internet vạn vật (IoT)	101	76	-	-
1.2.3.3	Ngành Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	224	140	-	-

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm ¹³
1.2.4	Lĩnh vực Báo chí và Thông tin	1864	540	401	
1.2.4.1	Ngành Báo chí	132	68	-	-
1.2.4.2	Ngành Công nghệ đa phương tiện	1253	339	290	90.19
1.2.4.3	Ngành Truyền thông đa phương tiện	479	133	111	92.86
2	Vừa làm vừa học	1166	369		
2.1	Lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý	452			
2.1.1	Ngành Quản trị kinh doanh	452	101	-	-
2.2	Lĩnh vực Máy tính và Công nghệ thông tin	670			
2.2.1	Ngành Công nghệ thông tin	670	268	-	-
2.3	Lĩnh vực Kỹ thuật	44			
2.3.1	Ngành Kỹ thuật Điện tử viễn thông	44	0	-	-
3	Từ xa	1387	871	161	
3.1	Lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý	317			
3.1.1	Ngành Quản trị kinh doanh	317	124	80	-
3.2	Lĩnh vực Máy tính và Công nghệ thông tin	926			
3.2.1	Ngành Công nghệ thông tin	926	663	73	-
3.3	Lĩnh vực Kỹ thuật	144			
3.3.1	Ngành Kỹ thuật Điện tử viễn thông	144	84	8	-

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Thông tin về kết quả hoạt động khoa học và công nghệ trong năm, tính cho toàn cơ sở giáo dục và phân theo lĩnh vực khoa học và công nghệ:

a) Danh mục dự án, đề tài hoặc nhiệm vụ khoa học công nghệ do cơ sở giáo dục chủ trì: Tên dự án, đề tài, nhiệm vụ; cấp quản lý; người chủ trì và các thành viên tham gia; đối tác trong nước và quốc tế; thời gian thực hiện; kinh phí thực hiện; tóm tắt kết quả và sản phẩm đạt được;

TT	Tên đề tài	Người chủ trì	Cấp quản lý
1	Nghiên cứu thiết kế chế tạo thiết bị Fronthaul Gateway (FHG) trong mạng di động 5G theo cấu trúc O-RAN	TS. Nguyễn Văn Thành	Nhà nước
2	Nghiên cứu giải pháp tích hợp môi trường đào tạo trên thực tại ảo, đa phương tiện tương tác với hệ thống quản trị học tập (LMS) phổ biến có sẵn và phát triển một hệ thống tích hợp thử nghiệm	ThS. Nguyễn Phương Anh	Cấp Bộ
3	Nghiên cứu mô hình quản trị hạ tầng kỹ thuật khu đô thị dựa trên công nghệ Digital Twin và xây dựng hệ thống thử nghiệm ở cấp độ tòa nhà	TS. Cao Minh Thắng	Cấp Bộ
4	Nghiên cứu thử nghiệm hệ thống phân loại tiếng ho dựa trên học sâu ít mẫu	PGS.TS. Phạm Văn Cường	Cấp Bộ
5	Nghiên cứu và xây dựng giải pháp bảo mật cho	PGS.TS. Đỗ Xuân Chơ	Cấp Bộ

TT	Tên đề tài	Người chủ trì	Cấp quản lý
	một số dịch vụ chuyển đổi số dựa trên kỹ thuật đảm bảo an toàn thông tin trên các thiết bị đầu cuối		
6	Nghiên cứu đánh giá vai trò của chính quyền điện tử trong cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và kết quả điều hành của chính quyền tại Việt Nam	PGS.TS. Đặng Thị Việt Đức	Cấp Bộ
7	Nghiên cứu xác định các chỉ số và phương thức đo lường đánh giá tiến trình chuyển đổi số trong lĩnh vực công ở Việt Nam	TS. Trần Thiện Chính	Cấp Bộ
8	Nghiên cứu, xây dựng mô hình học sâu giải quyết bài toán nhận dạng ảnh thời tiết	TS. Trần Quý Nam	Cấp Bộ
9	Nghiên cứu đề xuất các tiêu chí để lưu hành các sản phẩm truyền thông số cho trẻ em	TS. Lê Thị Hằng	Cấp Bộ
10	Nghiên cứu phương pháp tăng cường trải nghiệm cho công chúng trong sản phẩm báo chí dựa trên công nghệ thực tế ảo	TS. Lê Vũ Diệp	Cấp Bộ
11	Nghiên cứu xây dựng thử nghiệm hệ thống hỗ trợ học tập dựa trên cách tiếp cận Metaverse	PGS.TS. Ngô Quốc Dũng	Cấp Bộ
12	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) nhận diện khuôn mặt và thử nghiệm, tích hợp vào phần mềm quản lý nhân sự tự động phục vụ đào tạo	TS. Nguyễn Việt Hưng	Cấp Bộ
13	Nghiên cứu công nghệ truyền thông lượng tử đáp ứng yêu cầu an ninh cao trong mạng di động 6G	PGS.TS. Đặng Thế Ngọc	Cấp Bộ
14	Nghiên cứu thiết kế, chế tạo thử nghiệm thiết bị thông minh trông giữ phương tiện giao thông đường bộ dành cho đô thị thông minh	ThS. Nguyễn Văn Chương	Cấp Bộ
15	Nghiên cứu xây dựng hệ thống thông minh ứng dụng trí tuệ nhân tạo có khả năng tự động phát hiện và cảnh báo các hiện tượng bất thường trong hoạt động quản lý rừng	TS. Trần Tiến Công	Cấp Bộ
16	Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về khung thỏa thuận mức dịch vụ (SLA) cho điện toán đám mây	TS. Nguyễn Chiến Trinh	Cấp Bộ
17	Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về khả năng liên thông và di động của điện toán đám mây	PGS.TS. Nguyễn Tiến Ban	Cấp Bộ
18	Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về kiểm soát dữ liệu dựa trên phân loại nhóm cho các dịch vụ đám mây	TS. Ngô Thị Thu Trang	Cấp Bộ
19	Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về sự tương tác với các đối tác dịch vụ đám mây (CSNs)	PGS.TS. Lê Hải Châu	Cấp Bộ
20	Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về từ vựng và các khái niệm trong điện toán đám mây	ThS. Trần Quốc Hưng	Cấp Bộ

TT	Tên đề tài	Người chủ trì	Cấp quản lý
21	Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về phát triển chính sách và kỹ thuật công nghệ trong điện toán đám mây	ThS. Nguyễn Việt Dũng	Cấp Bộ
22	Nghiên cứu thuật toán điểm gần kề quán tính áp dụng cho mô hình phục hồi ảnh	TS. Hoàng Phi Dũng	Cấp Học viện
23	Nghiên cứu những tư tưởng triết học trong tác phẩm “Nguồn gốc của gia đình, chế độ tư hữu và nhà nước” và ý nghĩa của nó	TS. Phạm Minh Ái	Cấp Học viện
24	Nghiên cứu quá trình Đảng lãnh đạo giải quyết việc làm cho người lao động trong thời kỳ hội nhập	TS. Đỗ Thị Diệu	Cấp Học viện
25	Nghiên cứu những tác động của cuộc cách mạng công nghệ 4.0 đến gia đình Việt Nam hiện nay	ThS. Phạm Thị Khánh	Cấp Học viện
26	Nghiên cứu đánh giá pin mặt trời perovskite	TS. Nguyễn Thị Thúy Liễu	Cấp Học viện
27	Nghiên cứu xây dựng bộ bài luyện kỹ năng Nghe trong bài thi TOEFL iBT	ThS. Nguyễn Hồng Nga.	Cấp Học viện
28	Nghiên cứu cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu.	TS. Đào Mạnh Ninh	Cấp Học viện
29	Nghiên cứu và xây dựng bộ bài luyện kỹ năng Nói theo chuẩn TOEFL iBT	TS. Nguyễn Thị Thiết	Cấp Học viện
30	Nghiên cứu lựa chọn bài tập phát triển sức mạnh tốc độ cho nam sinh viên đội tuyển Bóng chuyền Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	ThS. Nguyễn Đức Thịnh	Cấp Học viện
31	Nghiên cứu một số phương pháp luyện kỹ năng đọc và viết tiếng Anh hiệu quả cho sinh viên Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	ThS. Phạm Thị Nguyên Thu	Cấp Học viện
32	Nghiên cứu đặc điểm cú pháp của kết cấu gây khiến với động từ “MAKE” trong tiếng Anh	ThS. Đỗ Thị Phương Thúy	Cấp Học viện
33	Lựa chọn một số bài tập nâng cao hiệu quả kỹ thuật hai bước lên rổ cho nam sinh viên Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	ThS. Nguyễn Phú Trung	Cấp Học viện
34	Nghiên cứu ứng dụng một số bài tập bổ trợ nhằm nâng cao kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt cho nữ sinh viên Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	ThS. Nguyễn Duy Trường	Cấp Học viện
35	Nghiên cứu thuật toán cỡ bước tự thích nghi để giải bài toán bất đẳng thức biến phân trên tập nghiệm của bài toán chấp nhận tách với đa tập đầu ra	TS. Trần Việt Anh	Cấp Học viện
36	Nghiên cứu phương pháp tự ôn luyện IELTS cho sinh viên năm cuối Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	ThS. Lê Thị Hồng Hạnh	Cấp Học viện
37	Nghiên cứu tác phẩm “Bản án chế độ thực dân Pháp” của Hồ Chí Minh và ý nghĩa của tác phẩm	ThS. Đỗ Minh Sơn	Cấp Học viện

TT	Tên đề tài	Người chủ trì	Cấp quản lý
	đối với công cuộc đổi mới hiện nay ở Việt Nam		
38	Nghiên cứu đề xuất thuật toán xấp xỉ ngoài giải bài toán bất đẳng thức biến phân	PGS.TS. Phạm Ngọc Anh	Cấp Học viện
39	Xây dựng ứng dụng dự đoán kết quả học tập của sinh viên sử dụng công nghệ học sâu	TS. Đào Thị Thúy Quỳnh	Cấp Học viện
40	Nghiên cứu giải pháp số hóa câu hỏi kiểm tra môn học Các hệ thống phân tán và viết phần mềm thể hiện chấm điểm tự động trên máy tính.	ThS. Nguyễn Xuân Anh	Cấp Học viện
41	Xây dựng hệ thống điểm danh lớp học theo thời gian thực ứng dụng công nghệ nhận diện khuôn mặt	ThS. Nguyễn Văn Tiến	Cấp Học viện
42	Xây dựng ứng dụng giám sát tự động cho hệ thống thi lập trình	TS. Nguyễn Duy Phương	Cấp Học viện
43	Nghiên cứu xây dựng mô hình phân tích cảm xúc trong chatbot tiếng Việt dựa trên học sâu	Nguyễn Thị Mai Trang	Cấp Học viện
44	Phương pháp khuyến nghị tin tức trên cổng thông tin điện tử dựa trên dữ liệu tuần tự sử dụng Transformer	Ths. Nguyễn Hoàng Anh	Cấp Học viện
45	Ứng dụng mô hình BERT trong phân loại tính chất bài viết	TS. Dương Trần Đức	Cấp Học viện
46	Phủ của tập phụ thuộc hàm mờ trong cơ sở dữ liệu quan hệ với thông tin không chính xác	ThS. Nguyễn Đình Hiến	Cấp Học viện
47	Nhận diện loài gỗ sử dụng mạng học sâu và ảnh phóng đại mặt cắt ngang thớ gỗ	TS. Nguyễn Trọng Khánh	Cấp Học viện
48	Nhận dạng ngôn ngữ ký hiệu sử dụng mô hình kết hợp học tự giám sát	ThS. Vũ Hoài Nam	Cấp Học viện
49	Nghiên cứu phương pháp phát hiện tấn công APT dựa trên mô hình học sâu kết hợp	ThS. Nguyễn Trung Thành	Cấp Học viện
50	Nghiên cứu phương pháp ngăn chặn tối đa sự lan truyền của thông tin sai lệch trên mạng xã hội trực tuyến	ThS. Vũ Minh Mạnh	Cấp Học viện
51	Phát triển plug-in hỗ trợ quản trị học viên và ngân hàng câu hỏi cho hệ thống quản lý học tập Moodle	PGS.TS. Hoàng Xuân Dậu	Cấp Học viện
52	Nghiên cứu xây dựng ứng dụng xác thực người dùng theo mô hình Zero Trust	TS. Đinh Trường Duy	Cấp Học viện
53	Nghiên cứu xây dựng phần mềm phát hiện dấu hiệu hoạt động của mã độc DGA botnet trong mạng LAN	ThS. Ninh Thị Thu Trang	Cấp Học viện
54	Đề xuất phương pháp phát hiện lỗ hổng mã nguồn dựa trên một phương pháp tính toán thông minh	PGS.TS. Đỗ Xuân Chơ	Cấp Học viện
55	Nghiên cứu xây dựng hệ thống quản lý thẻ sinh viên gắn chip và ứng dụng trong các dịch vụ nội bộ trong Học viện Công Nghệ Bưu Chính Viễn Thông	TS. Trần Tuấn Anh	Cấp Học viện

TT	Tên đề tài	Người chủ trì	Cấp quản lý
56	Nghiên cứu, đề xuất thuật toán chuyển mạch mới để loại bỏ phản hồi âm thanh trong máy trợ thính	TS. Trần Thị Thục Linh	Cấp Học viện
57	Giám sát tốc độ động cơ điện một chiều sử dụng bộ điều khiển PID mờ	Ths. Vũ Anh Đào	Cấp Học viện
58	Nghiên cứu phương pháp cân bằng phi tuyến cho thu phân tập để nâng cao chất lượng truyền dẫn RoF của kết nối CRAN	KS. Trần Thị Thanh Thủy	Cấp Học viện
59	Nghiên cứu và thiết kế mô phỏng bộ định tuyến quang sử dụng ống dẫn sóng kết hợp cách tử trên nền tảng công nghệ quang tử silic	TS. Trương Cao Dũng	Cấp Học viện
60	Nghiên cứu, thiết kế IoT node tương thích với Home Assistant hỗ trợ điều khiển nhà thông minh	ThS. Nguyễn Quốc Dinh	Cấp Học viện
61	Nghiên cứu, xây dựng hệ thống nhận dạng ngôn ngữ ký hiệu bằng cảm biến biến dạng dựa trên chất lỏng ion	TS. Trần Thị Thúy Hà	Cấp Học viện
62	Nghiên cứu tích hợp chuẩn Matter trên thiết bị Gateway ứng dụng trong SmartHome	ThS. Lê Đức Toàn	Cấp Học viện
63	Nghiên cứu và đề xuất kiểu chữ và các hình thức dàn trang trên báo điện tử tại Việt Nam	ThS. Hà Thị Hồng Ngân	Cấp Học viện
64	Nghiên cứu và đánh giá tác động của các công cụ truyền thông mới với hoạt động báo chí điều tra	ThS. Nguyễn Thị Thu Dung	Cấp Học viện
65	Nghiên cứu, đề xuất một số giải pháp thiết kế ứng dụng di động dành cho người khiếm thính	TS. Nguyễn Thị Tuyết Mai	Cấp Học viện
66	Nghiên cứu và đánh giá các công cụ hỗ trợ mã hóa trong bộ mã hóa H.266/VVC với dữ liệu ảnh Light Field	TS. Phí Công Huy	Cấp Học viện
67	Nghiên cứu và đề xuất phương pháp phối màu trong thiết kế giao diện web	TS. Vũ Thị Tú Anh	Cấp Học viện
68	Nghiên cứu và đề xuất Typography trong thiết kế bìa sách tại Việt Nam	ThS. Hà Thị Huệ	Cấp Học viện
69	Nghiên cứu và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến thiết kế giao diện trò chơi trên thiết bị di động.	ThS. Nguyễn Thị Kim Ngân	Cấp Học viện
70	Nghiên cứu các mô hình về truyền thông chính sách và một số đề xuất cho truyền thông chính sách trên nền tảng số tại Việt Nam.	ThS. Nguyễn Văn Anh	Cấp Học viện
71	Nghiên cứu hiệu quả truyền thông của các cơ quan nhà nước Việt Nam đến người dân thông qua một số trường hợp điển hình	ThS. Trần Ngọc Trang Ninh	Cấp Học viện
72	Nghiên cứu và đề xuất ứng dụng công nghệ số vào hoạt động tuyên truyền	ThS. Vũ Thuý Linh	Cấp Học viện
73	Nghiên cứu và đề xuất giải pháp tăng cường hiệu quả truyền thông thị giác đến nhận thức của công chúng.	ThS. Nguyễn Đình Sơn	Cấp Học viện
74	Cải thiện hiệu năng hệ thống truyền thông vệ tinh	TS. Nguyễn Viết Minh	Cấp Học viện

TT	Tên đề tài	Người chủ trì	Cấp quản lý
	quỹ đạo thấp sử dụng MIMO		
75	Nghiên cứu giải pháp phân loại nhịp tim sử dụng học máy	TS. Nguyễn Trọng Trung Anh	Cấp Học viện
76	Nghiên cứu thiết kế & phát triển thử nghiệm mô hình trợ lý ảo điều khiển bằng giọng nói cho các ứng dụng IoT	TS. Bùi Quang Chung	Cấp Học viện
77	Nghiên cứu về hệ thống phát hiện xâm nhập nhẹ (lightweight IDS) cho thiết bị biên IoT	TS. Hoàng Trọng Minh	Cấp Học viện
78	Nghiên cứu cấu trúc cảm biến sợi quang dựa trên cách tử Bragg sợi quang cho IoT.	TS. Cao Hồng Sơn	Cấp Học viện
79	Nghiên cứu tích hợp dữ liệu IoT vào truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông nghiệp	ThS. Hoàng Thị Thu	Cấp Học viện
80	Thuật toán thông minh điều khiển mạng quang EON dựa trên kỹ thuật học tăng cường sâu	PGS.TS. Lê Hải Châu	Cấp Học viện
81	Nghiên cứu giải pháp cải thiện hiệu năng mạng cảm biến đa ưu tiên sử dụng giải thuật backoff ở lớp MAC.	TS. Nguyễn Thị Thu Hằng	Cấp Học viện
82	Thu thập năng lượng trong truyền thông UAV dưới ảnh hưởng của thời tiết khi sử dụng tấm thu năng lượng mặt trời hay bộ thu quang không dây	ThS. Lê Tùng Hoa	Cấp Học viện
83	Giải pháp AI on Edge nâng cao hiệu năng điện toán biên	TS. Phạm Anh Thư	Cấp Học viện
84	Phân tích quan điểm khách hàng theo định hướng thị trường ứng dụng thuật toán thông minh	TS. Nguyễn Minh Tuấn	Cấp Học viện
85	Thiết kế mặt phản xạ thông minh cho truyền thông quang không dây trong khu vực đô thị	TS. Nguyễn Văn Thắng	Cấp Học viện
86	Bảo mật lớp vật lý cho truyền thông quang đa chặng trong môi trường nước	TS. Phạm Thị Thuý Hiền	Cấp Học viện
87	Đánh giá thông lượng bảo mật trong truyền thông quang giữa vệ tinh và hạ tầng trên cao	TS. Nguyễn Thị Thu Nga	Cấp Học viện
88	Nhận dạng dự đoán dựa trên học sâu về sự biệt hóa tế bào gốc thần kinh	KS. Nguyễn Thị Hằng Duy	Cấp Học viện
89	Thiết kế hệ thống thu thập dữ liệu trên các hệ thống thương mại điện tử lớn và khảo sát các ứng dụng sử dụng dữ liệu.	Khuất Văn Đức	Cấp Học viện
90	Nghiên cứu giải pháp phần mềm mã nguồn mở mô phỏng mạng 5G (Simu5G) và ứng dụng	Ths. Bùi Trường Sơn	Cấp Học viện
91	Nghiên cứu khả năng ứng dụng giao thức CoAP trong hệ thống IOT	ThS. Nguyễn Đình Long	Cấp Học viện
92	Chẩn đoán ngưng tim sử dụng phương pháp phân tích thành phần chính trong máy khử rung tim	TS. Nguyễn Minh Tuấn	Cấp Học viện
93	Thiết kế và đánh giá hiệu năng bảo mật lớp vật lý cho mạng FSO liên tầng không gian-khí quyển-	TS. Nguyễn Văn Thắng	Cấp Học viện

TT	Tên đề tài	Người chủ trì	Cấp quản lý
	mặt đất		
94	Nghiên cứu cấu hình tối ưu cho nhiều bộ thu phát FSO sử dụng trên các trạm hạ tầng trên cao	PGS.TS Đặng Thế Ngọc	Cấp Học viện
95	Nghiên cứu xây dựng thuật toán tách sóng cho máy thu 5G dựa trên kỹ thuật học sâu ba chiều	TS. Bùi Quang Chung	Cấp Học viện
96	Nghiên cứu và cải thiện hệ thống IDS phát hiện tấn công DDOS trong IoT	TS. Hoàng Trọng Minh	Cấp Học viện
97	Nghiên cứu giải pháp tăng cường hiệu năng mạng quang lưới bước sóng linh hoạt trong mạng Internet tương lai	PGS.TS. Lê Hải Châu	Cấp Học viện
98	Nghiên cứu năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Viễn thông Việt Nam trong cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền trên thiết bị di động	TS. Vũ Trọng Phong	Cấp Học viện
99	Nghiên cứu các phương pháp giảng dạy tích cực trong đào tạo ngành Thương mại Điện tử tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	TS. Trần Thị Thập	Cấp Học viện
100	Nghiên cứu động cơ học tập của sinh viên khối ngành kinh tế cơ sở đào tạo phía Bắc, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	PGS.TS. Nguyễn Thị Minh An	Cấp Học viện
101	Nghiên cứu phát triển Logistics xanh tại các doanh nghiệp Logistics Việt Nam	TS. Trần Thị Hoà	Cấp Học viện
102	Nghiên cứu các nhân tố tạo động lực làm việc cho giảng viên khối ngành kinh tế tại các cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn TP Hà Nội.	TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền	Cấp Học viện
103	Phát triển dịch vụ Logistics tại Công ty Vietnam Post Logistics	Th.S Phạm Thị Minh Lan	Cấp Học viện
104	Nghiên cứu mức độ đổi mới sáng tạo của một số sản phẩm thương mại điện tử quốc tế tại Việt Nam	TS. Nguyễn Thùy Dung	Cấp Học viện
105	Hoạt động marketing trực tuyến cho các chương trình đào tạo liên kết tại các trường đại học ở Việt Nam	Th.S Lê Thị Bích Ngọc	Cấp Học viện
106	Nghiên cứu vấn đề bảo vệ thông tin cá nhân trong điều kiện chuyển đổi số tại Việt Nam	TS. Trần Đoàn Hạnh	Cấp Học viện
107	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ trong quản lý kho hàng của các doanh nghiệp logistics và một số đề xuất với các doanh nghiệp logistics Việt Nam	TS. Lê Thị Ngọc Diệp	Cấp Học viện
108	Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của các doanh nghiệp công nghệ niêm yết trên sàn chứng khoán HoSE	TS. Nguyễn Văn Hậu	Cấp Học viện
109	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực kế toán tại Việt Nam	TS. Nguyễn Thị Chinh Lam	Cấp Học viện
110	Nghiên cứu phương pháp tiếp cận kế toán tài sản mã hóa và một số khuyến nghị đối với Việt Nam	TS. Nguyễn Thị Việt Lê	Cấp Học viện

TT	Tên đề tài	Người chủ trì	Cấp quản lý
111	Nghiên cứu hoạt động kinh doanh Bancassurance và khuyến nghị cho Việt Nam	TS. Nguyễn Thị Vân Anh	Cấp Học viện
112	Hiệu ứng lan tỏa giữa các thị trường chứng khoán khi xảy ra sự kiện thiên nga đen	ThS. Đặng Phong Nguyên	Cấp Học viện
113	Nghiên cứu phân tích hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp FPT thông qua thước đo giá trị gia tăng EVA	TS. Lê Thị Ánh	Cấp Học viện
114	Nghiên cứu khả năng ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong tối ưu hóa danh mục đầu tư.	ThS. Trần Quốc Khánh	Cấp Học viện
115	Nghiên cứu tác động của quyết định đầu tư và quyết định tài trợ đến rủi ro tài chính của các doanh nghiệp ngành công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) niêm yết tại Việt Nam	TS. Vũ Quang Kết	Cấp Học viện
116	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định áp dụng kế toán quản trị chi phí môi trường tại các doanh nghiệp sản xuất thuộc Tổng Công ty Giấy Việt Nam và các công ty liên kết.	TS. Phạm Vũ Hà Thanh	Cấp Học viện
117	Nghiên cứu ý định sử dụng blockchain trong các doanh nghiệp logistics tại Thành phố Hồ Chí Minh	PGS. TS. Đặng Thị Việt Đức	Cấp Học viện
118	Thiết kế, chế tạo KIT thí nghiệm tế bào quang điện	TS. Nguyễn Đức Việt	Cấp Học viện
119	Thuật toán tối ưu hóa bầy đàn PSO (Particle Swarm Optimization) và ứng dụng trong mạng cảm biến phân tán	TS. Nguyễn Đức Minh	Cấp Học viện
120	Thuật toán xác định bộ tham số A, B, I đồng thời của mạng nơron tế bào bậc hai	TS. Nguyễn Tài Tuyên	Cấp Học viện
121	Thiết kế chế tạo KIT thí nghiệm cho môn học Điện tử tương tự	ThS. Nguyễn Xuân Hưng	Cấp Học viện
122	Nghiên cứu nâng cao chất lượng và thực hiện chuyển đổi số cho các bài thí nghiệm vật lý	ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền	Cấp Học viện
123	Nghiên cứu về lòng trung thành của người tiêu dùng đối với các thiết bị tiết kiệm điện tại Việt Nam sử dụng lý thuyết nhận thức giá trị người tiêu dùng	ThS. Lê Bảo Ngọc	Cấp Học viện
124	Nghiên cứu hành vi tiêu dùng nội dung số của thế hệ Z tại Việt Nam	ThS. Trần Thanh Hương	Cấp Học viện
125	Nghiên cứu mối quan hệ giữa năng lực thương hiệu (Brand Competence), thái độ thương hiệu, và nhận thức yêu thích thương hiệu với mức độ sẵn sàng chi trả của khách hàng Việt Nam trong trường hợp xe ô tô điện tại thị trường Việt Nam.	ThS. Nguyễn Hoàng Giang	Cấp Học viện
126	Nghiên cứu sự ảnh hưởng của video ngắn trên mạng xã hội tới ý định mua hàng của thế hệ Z tại	ThS. Phạm Thị Thái Quỳnh	Cấp Học viện

TT	Tên đề tài	Người chủ trì	Cấp quản lý
	Việt Nam		
126	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự chấp nhận sử dụng ứng dụng ngân hàng số của nhóm khách hàng cao tuổi	ThS. Nguyễn Thị Phương Dung	Cấp Học viện
127	Nghiên cứu những yếu tố rủi ro tác động đến hành vi mua hàng trong các trò chơi trực tuyến nhiều người chơi	ThS. Vũ Việt Tiến	Cấp Học viện
128	Nghiên cứu, xây dựng, triển khai thử nghiệm và đề xuất chương trình đào tạo bồi dưỡng (cấp chứng nhận) về digital marketing cho sinh viên đại học của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	TS. Nguyễn Thị Hoàng Yến	Cấp Học viện
129	Giải pháp tăng thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài vào Việt Nam giai đoạn hiện nay	ThS. Trần Thanh Mai	Cấp Học viện
130	Mở rộng vốn từ cho sinh viên trong quá trình giảng dạy “ <i>Kỹ năng tạo lập văn bản tiếng Việt</i> ” tại Học viện công nghệ Bưu chính viễn thông	TS. Đinh Thị Hương	Cấp Học viện
131	Nghiên cứu giải pháp nền tảng Plug&Play quản lý thiết bị IoT hỗ trợ việc phục vụ tự động hóa quản trị cơ sở vật chất	KS Trần Duy Hiếu	Cấp Học viện
132	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ Bản sao số (DT-Digital twin) vào chuyển đổi số hoạt động thí nghiệm, thực hành từ xa	ThS. Đinh Văn Dũng	Cấp Học viện
133	Nghiên cứu các phương pháp xây dựng đồ họa chuyển động 3D ứng dụng trong thiết kế trò chơi điện tử	ThS. Nguyễn Thanh Toàn	Cấp Học viện
134	Nghiên cứu, đề xuất và thử nghiệm mô hình cải thiện chất lượng dịch vụ EzWater trên cơ sở ứng dụng công nghệ nhận dạng chỉ số đồng hồ nước	ThS. Vũ Tuấn Anh	Cấp Học viện
135	Nghiên cứu chuyển đổi số của doanh nghiệp nhỏ và vừa thành phố Hà Nội	ThS. Trần Hương Giang	Cấp Học viện
136	Nghiên cứu, đề xuất quy trình triển khai hệ thống hỗ trợ trả lời tự động (Chabott) dựa trên kịch bản phục vụ công tác Tuyển sinh của Học viện	ThS. Đặng Văn Tùng	Cấp Học viện
137	Nghiên cứu xây dựng quy trình chuyển đổi số công tác nộp lưu chiểu đồ án/khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp của người học tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Bà Bùi Thị Minh Huệ	Cấp Học viện
138	Nghiên cứu xây dựng khoá học “Dữ liệu Mở - Open Data” phục vụ cung cấp kiến thức căn bản về dữ liệu mở tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	ThS. Phạm Vũ Minh Tú	Cấp Học viện

b) Số lượng công trình khoa học được công bố trên các ấn phẩm quốc tế có uy tín và các công bố khoa học khác; số lượng bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được

cấp: 435

c) Các kết quả chuyển giao tri thức, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ khởi nghiệp (nếu có).

2. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ¹⁴

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo (2023)	Năm trước liền kề năm báo cáo (2022)
1	Tỉ trọng thu khoa học-công nghệ	5,20%	7,58%
2	Số công bố khoa học/giảng viên	435/515	363/465
3	Số công bố WoS, Scopus/ giảng viên	100/515	91/465

3. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm 2023

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm
1	Đề tài cấp Nhà nước	2	6,0 tỷ
2	Đề tài cấp bộ, tỉnh	24	7,838 tỷ
3	Đề tài cấp cơ sở	214	3,877 tỷ
4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)	0	0
5	Đề tài hợp tác quốc tế	1	342 triệu
	Tổng số	240	

4. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	Năm báo cáo (2023)	Năm trước liền kề năm báo cáo (2022)
1	Tổng số bài báo khoa học được HĐGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	169	163
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	100	91
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	190	188
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	0	0
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	0	0

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Thu chi tài chính

1.1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động

như sau:

Học viện là đơn vị sự nghiệp giáo dục, tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư, không sử dụng ngân sách nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án thí điểm cơ chế tự chủ tại Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 06/02/2016. Theo đó, cơ chế tài chính của Học viện là cơ chế doanh nghiệp và quỹ tiền lương được xác định theo doanh nghiệp.

Thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ, căn cứ khoản 3 Điều 40, Học viện tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị nhóm 1, là đơn vị tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư, không sử dụng ngân sách nhà nước, thực hiện cơ chế tài chính doanh nghiệp và quỹ tiền lương được xác định theo doanh nghiệp.

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác). *(số liệu chi tiết tại mục 3. Kết quả thu chi hoạt động).*

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác. *(số liệu chi tiết tại mục 3. Kết quả thu chi hoạt động).*

1.2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

Học viện đã xây dựng và ban hành mức thu học phí đối với các hệ đào tạo dài hạn theo quy định của Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định số 97/2023/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

1.3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

Học viện đã thực hiện chi các chế độ chính sách cho người học từ nguồn ngân sách

nhà nước cấp và nguồn chi phí tự chủ thường xuyên của đơn vị để chi các loại học bổng, trợ cấp, miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, khen thưởng, hoạt động phong trào và các khoản chi hỗ trợ khác cho người học, với tổng kinh phí chi năm 2023 là 44,667 tỷ đồng.

- 1.4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).
- 1.5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

Học viện thực hiện công khai thực hiện dự toán ngân sách nhà nước và kết quả tài chính hàng năm sau khi kết thúc năm tài chính theo đúng quy định.

Hàng năm, Học viện thực hiện kiểm toán độc lập về kiểm toán báo cáo tài chính sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Các chỉ số đánh giá về tài chính¹⁵

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo (2023)	Năm trước liền kề năm báo cáo (2022)
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	12,51%	11,00%
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	15,55%	10,06%

3. Kết quả thu chi hoạt động¹⁶

Đơn vị tính: Tỷ đồng.

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo (2023)	Năm trước liền kề năm báo cáo (2022)
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	499,737	393,607
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư		
II	Thu giáo dục và đào tạo	452,558	347,687
1	Học phí, lệ phí từ người học	382,372	299,986
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	6,168	5,399
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	2,208	1,500
4	Thu khác	61,810	40,802
III	Thu khoa học và công nghệ	25,964	29,838
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	10,270	10,556
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	2,819	7,887
3	Thu khác	12,875	11,395
IV	Thu khác (thu nhập ròng)	21,215	16,082
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	431,357	348,821

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo (2023)	Năm trước liền kề năm báo cáo (2022)
I	Chi lương, thu nhập	196,358	162,508
1	Chi phí tiền lương cho CB, VC, NLĐ	176,826	142,300
2	Các khoản chi khác cho CB, VC, NLĐ	19,532	20,208
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	188,778	148,014
1	Chi cho đào tạo	91,826	78,554
2	Chi cho nghiên cứu	24,859	27,533
3	Chi cho phát triển đội ngũ	2,051	2,109
4	Chi phí chung và chi khác	70,042	39,818
III	Chi hỗ trợ người học	44,667	37,499
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	34,636	32,272
2	Chi hoạt động nghiên cứu	0,296	0,298
3	Chi hoạt động khác	9,735	4,929
IV	Chi khác	1,554	0,800
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	68,380	44,786

VIII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC¹⁷

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
HỌC VIỆN
CÔNG NGHỆ
BƯU CHÍNH
VIỄN THÔNG
PGS.TS. Trần Quang Anh

